

Tuần 11, 27/03/2026

Phục hồi kỹ thuật

Tiêu điểm:

- Giá xăng dầu tiếp tục giảm mạnh tới 26/3, đánh dấu 2 phiên giảm liên tiếp chỉ trong 2 ngày. Lũy kế, xăng giảm tới 6,790-9,510 đồng/lít, chủ yếu nhờ chính sách giảm hàng loạt thuế xăng dầu.
- Ngày 24/3, NHNN thông báo bán USD kỳ hạn 180 ngày có hủy ngang cho các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài âm trạng thái ngoại tệ.
- Ngày 23/3, Tổng thống Donald Trump thông báo Mỹ và Iran đang có "những cuộc thảo luận tốt đẹp" để giải quyết xung đột.
- Thị trường ghi nhận nhiều gói lãi suất đặc biệt ở mức cao, dao động từ 7-10%/năm.

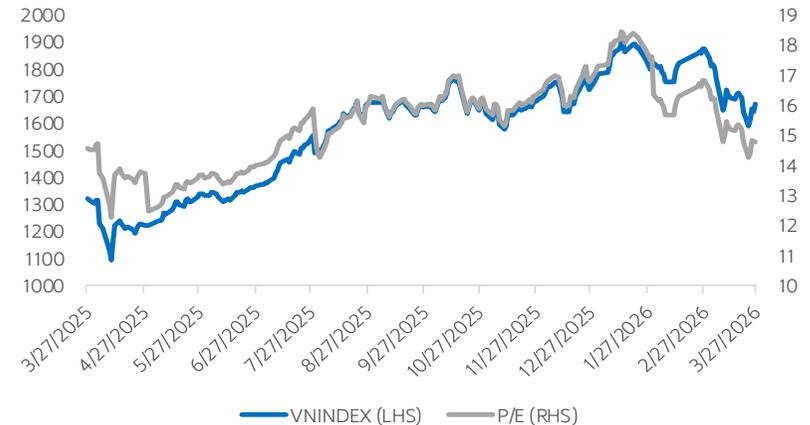
Đánh giá: Thị trường có tuần phục hồi sau khi chạm vùng hỗ trợ 1,600 điểm. Tuy nhiên, đây chỉ là nhịp hồi kỹ thuật dựa trên các tin tức chiến sự tạm thời có dấu hiệu hạ nhiệt. Chúng tôi đánh giá rủi ro vẫn hiện hữu, trong bối cảnh các phát biểu thay đổi liên tục của ông Trump. Ngoài ra, nền lãi suất trong nước có xu hướng tăng và tỷ giá đang gặp áp lực đang góp phần khiến chỉ số chiết khấu xuống vùng thấp hơn.

Góc nhìn kỹ thuật: VN-Index đóng cửa tuần tại 1,672.8 (+25 điểm; +1.52%) trên đồ thị tuần với thanh khoản ổn định. Thị trường được kỳ vọng giao dịch trong vùng 1,600 – 1,800. Tuy nhiên chỉ số cần vượt hoàn toàn vùng 1,750 để xác nhận quay lại xu hướng tăng trong ngắn hạn. Vùng hỗ trợ hiện tại tham chiếu là 1,600 điểm.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư có thể giải ngân tỉ trọng thấp trong bối cảnh rủi ro vẫn còn. Gia tăng tỉ trọng nếu thị trường xác nhận vượt 1,750 cùng các tin tức thuận lợi. Có thể ưu tiên nhóm hưởng lợi từ yếu tố nội địa như: đầu tư công, ngân hàng và vật liệu xây dựng. Ngoài ra, có thể xem xét nhóm hàng hóa, bảo hiểm, điện nước trong bối cảnh giá hàng hóa tăng cao. Tuy nhiên, nhóm này thường biến động mạnh, do đó cần quản trị rủi ro chặt chẽ.

Tên chỉ số	Giá đóng cửa 1W	% Thay đổi				Xu hướng	Định giá		Vốn hóa (Tỷ USD)
		1M	3M	YTD	P/E		P/B		
VN-Index	1,673	1.5	-11.0	-3.3	-6.3		14.8	1.9	293
Upcom Index	124	0.5	-3.9	4.2	2.8		11.7	2.0	25
HNX Index	252	3.7	-4.0	0.7	1.4		13.4	1.4	15
VN30 Index	1,822	1.3	-11.7	-7.3	-10.3		13.7	2.1	199
S&P 500 Index	6,477		-5.8	-6.5	-5.4		25.3	5.0	57,789
STOXX Europe 600 Index	581	1.3	-8.4	-1.3	-1.9		16.7	2.3	17,251
Hang Seng	24,936	-1.3	-6.3	-3.4	-2.6		12.8	1.3	3,756
Nikkei 225	53,373	0.0	-9.3	5.2	6.0		21.2	2.6	5,721
SHCOMP Index	3,914	-1.1	-6.0	-1.3	-1.4		1.5	1.5	8,949
STI Index	4,906	-0.9	-1.8	5.8	5.6		16.8	1.6	568
KOSPI Index	5,439	-5.9	-12.9	31.7	29.1		20.6	1.7	2,893

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nam Hoàng, CFA

☎ (84-28) 5808 7603

✉ nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất



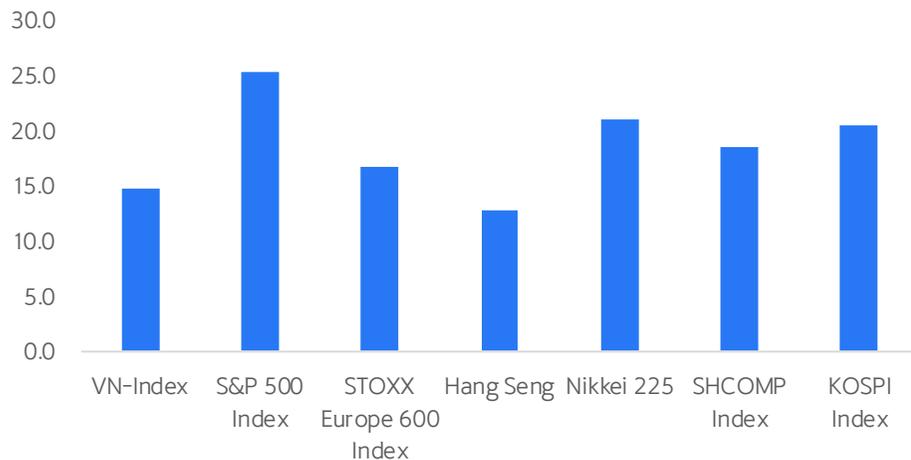
Bấm vào hình hoặc quét QR

Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá			Vốn hóa (TỶ VND)			
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current		Change	P/E	P/B
Large Cap	1.7	-9.3	-3.7	-5.6	-5.7	-27.7	-24.5	-26.2	90.9	-0.6	14.2	2.2	7,263,316
Mid Cap	1.5	-4.8	0.3	1.3	0.9	-32.7	-27.6	-29.5	8.6	0.5	11.1	1.2	526,291
Small Cap	0.5	-4.7	-3.6	-3.5	31.9	-23.2	-26.6	-26.6	0.4	0.1	11.1	0.7	67,278

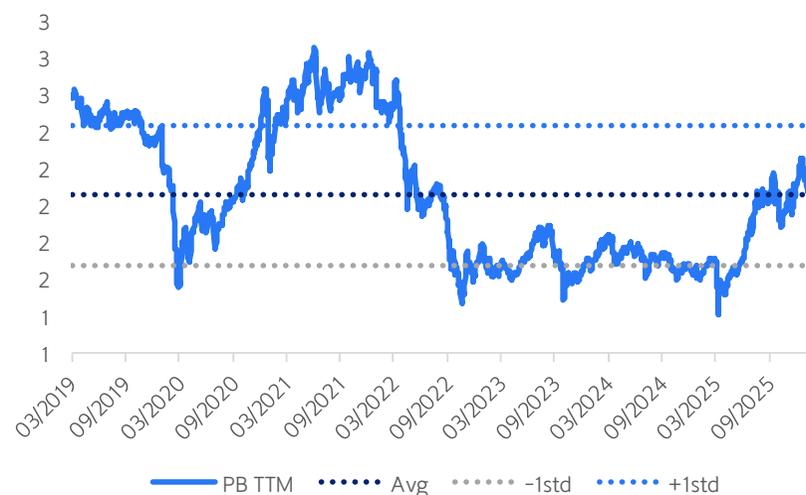
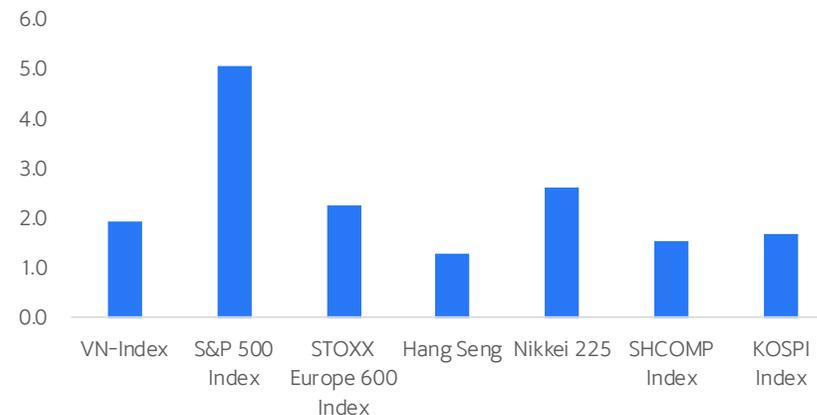
Theo ngành	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá			Vốn hóa (TỶ VND)			
	Tên ngành	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD		Current	Change	P/E
Bảo hiểm	9.4	2.1	31.6	36.9	121.0	49.6	0.3	-2.2	0.5	0.3	17.5	2.2	76,100
Bán lẻ	8.1	-3.0	11.8	8.0	4.7	-29.1	-29.9	-32.4	1.2	0.1	32.0	3.6	47,936
Ô tô & Phụ tùng	4.6	2.2	3.5	6.9	31.4	21.5	44.6	41.8	0.5	0.1	4.2	1.1	18,510
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	4.2	-4.5	-4.9	-3.2	0.4	-32.4	-14.0	-16.4	6.6	0.4	17.4	2.3	255,896
Du lịch và Giải trí	4.0	-2.4	-13.9	-11.1	-8.7	-15.7	-26.4	-25.8	1.4	0.0	24.8	4.6	317,997
Hóa chất	3.6	-19.0	19.1	18.5	-21.2	-34.1	-2.8	-5.3	6.5	-1.2	15.6	1.9	226,663
Xây dựng và vật liệu	3.3	-3.2	-0.7	0.6	5.1	-2.7	9.7	7.6	6.1	0.5	10.9	1.4	144,852
Tài chính	2.6	-5.4	4.9	6.5	-11.2	-32.1	-18.2	-20.8	14.8	-0.9	18.3	2.0	522,752
Ngân hàng	2.2	-6.0	-0.6	-0.8	-2.9	-28.4	-36.0	-37.1	23.2	0.7	9.2	1.5	2,543,959
Tài nguyên cơ bản	2.2	-7.0	-1.2	1.3	6.2	-37.2	-30.3	-32.7	5.2	0.5	13.7	1.4	244,700
Công nghệ Thông tin	1.8	-14.4	-18.6	-19.1	-0.5	-32.7	-31.5	-33.7	4.2	0.2	13.9	3.0	144,311
Dược và Y tế	0.6	-1.1	3.2	2.1	-10.4	-9.6	-14.4	-13.6	0.2	0.0	19.2	2.2	41,040
Bất động sản	0.4	-12.6	-14.6	-20.7	4.1	-6.9	-18.7	-18.9	15.6	1.5	23.4	2.6	1,854,902
Thực phẩm và đồ uống	-0.1	-3.5	-8.5	-8.2	-18.5	-36.7	-38.9	-40.6	5.7	-0.9	17.2	3.1	614,891
Tiện ích	-0.2	-21.3	7.7	5.9	-15.2	-49.1	-37.8	-39.6	2.4	-0.3	6.9	2.1	345,134
Dầu khí	-1.0	-21.1	45.2	47.4	-31.0	-44.1	-32.2	-34.8	4.9	-1.8	26.8	2.4	211,757
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.1	-9.8	7.3	5.7	46.6	-26.0	-33.5	-36.1	1.1	0.4	11.1	1.7	62,670
Truyền thông	-3.2	-12.3	-11.5	-9.1	28.9	-21.8	-28.3	-29.3	0.1	0.0	22.9	0.9	2,443

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

P/E



P/B



WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư



Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	31,524.0	24,291.8	120,517.0
Ấn độ	-1,972.0	-11,537.0	-13,109.1	-13,109.1
Indonesia	-1,217.9	-1,160.1	-1,727.7	-1,727.7
Nhật Bản*	-15,761.5	-24,415.7	16,054.8	16,054.8
Maylaysia	75.4	-46.8	283.3	283.3
Hàn Quốc	-6,608.3	-17,426.2	-30,672.8	-30,672.8
Sri Lanka	-4.0	-11.2	-63.4	-63.4
Đài Loan	-1,610.8	-23,140.8	-13,332.8	-13,332.8
Thái Lan	-41.4	-1,192.6	690.6	690.6
Việt Nam	-65.1	-524.6	-1,040.0	-1,040.0

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	2,411	-20.4	-76.6	-75.9	-638.6
Nước ngoài	1,637	-19.2	-80.9	-64.5	-512.0
VanEck Vectors Vietnam ETF	509	-19.2	-65.6	-29.5	-66.3
Fubon FTSE Vietnam ETF	388	0.0	-13.7	-42.7	-396.2
iShares MSCI Frontier and Select EM	188	0.0	0.0	0.0	-1.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	334	0.0	-1.6	9.9	-26.8
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	200	0.0	0.0	-2.2	-12.2
Premia MSCI Vietnam ETF	6	0.0	0.0	0.0	-9.1
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	774	-1.2	4.4	-11.3	-126.5
DCVMVN Diamond ETF	497	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVMVN30 ETF Fund	215	-0.9	4.1	-10.0	-114.1
SSIAM VNFIN LEAD ETF	20	0.1	0.2	1.0	-2.2
MAFN VN30 ETF	28	-0.3	-0.3	-2.7	-9.1
SSIAM VNX50 ETF	5	0.0	0.0	-0.1	-1.0
VinaCapital VN100 ETF	0	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	8	0.0	0.3	0.4	-0.1

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

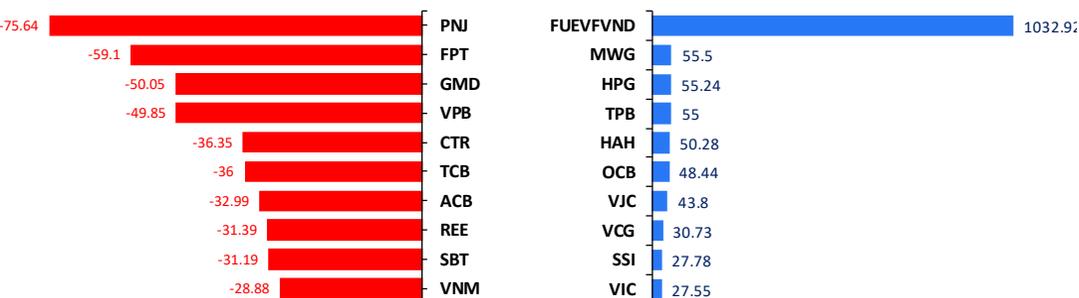
WTD: từ đầu tuần

MTD: từ đầu tháng

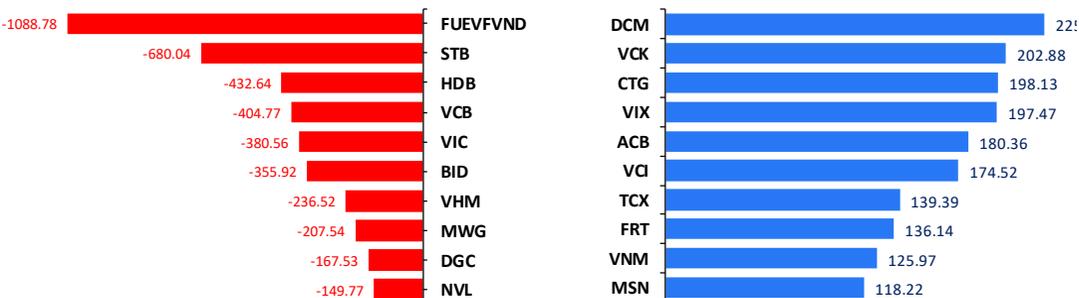
QTD: từ đầu quý

YTD: từ đầu năm

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



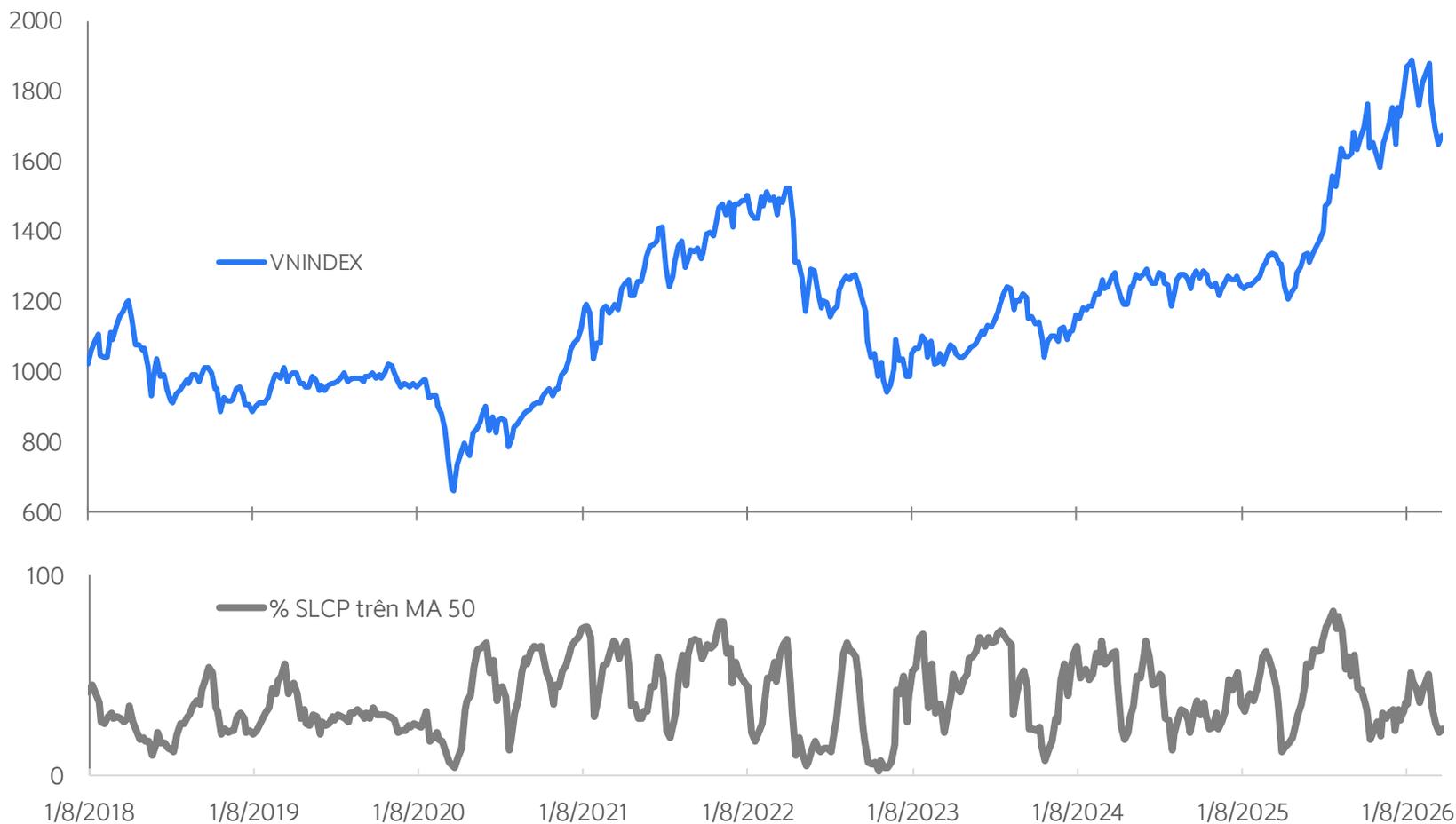
Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	53	-911	-405	1,317
Tài nguyên Cơ bản	55	-215	152	62
Truyền thông	0	0	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-40	-104	-173	277
Y tế	0	-2	5	-3
Hóa chất	-34	48	-24	-25
Dịch vụ tài chính	1,047	-882	-31	913
Du lịch và Giải trí	44	-57	-56	112
Ngân hàng	4	-1,368	1,792	-424
Xây dựng và Vật liệu	-42	-30	-4	35
Thực phẩm và đồ uống	-66	185	-95	-90
Bán lẻ	47	-42	126	-84
Điện, nước & xăng dầu khí	9	27	70	-98
Hàng cá nhân & Gia dụng	-75	-31	56	-26
Công nghệ Thông tin	-59	-60	98	-37
Ô tô và phụ tùng	-4	41	-109	68
Bảo hiểm	0	40	-72	32
Dầu khí	23	60	39	-99
Tổng	961	-3,299	1,369	1,930

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Ngân hàng				Bất động sản				Bảo hiểm và dịch vụ tài chính				Tài nguyên Cơ bản và xây dựng vật liệu				Hàng & Dịch vụ Công nghiệp và Hàng cá nhân & gia dụng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
SHB	54	Neutral	Neutral	DXG	53	Strong	Neutral	BVH	61	Neutral	Weak	HPG	48	Neutral	Neutral	GEX	52	Strong	Neutral
MBB	47	Neutral	Weak	NVL	63	Too hot	Strong	BMI	45	Strong	Neutral	NKG	45	Neutral	Weak	VSC	48	Weak	Neutral
HDB	45	Neutral	Weak	DIG	54	Strong	Weak	BIC	54	Too hot	Strong	HSG	50	Neutral	Weak	PVT	46	Weak	Neutral
VPB	50	Neutral	Weak	VRE	44	Neutral	Weak	VIX	47	Neutral	Weak	SMC	45	Neutral	Weak	GMD	56	Neutral	Strong
MSB	45	Neutral	Weak	PDR	56	Strong	Neutral	SSI	39	Weak	Weak	CII	63	Too hot	Strong	HAH	47	Weak	Weak
TCB	44	Neutral	Weak	VIC	41	Weak	Weak	VND	41	Weak	Weak	HHV	52	Neutral	Neutral	GEE	54	Strong	Neutral
EIB	54	Neutral	Neutral	KDH	51	Neutral	Neutral	VCI	50	Neutral	Neutral	VCG	54	Strong	Strong	VOS	42	Weak	Weak
ACB	53	Neutral	Neutral	VHM	53	Strong	Neutral	HCM	51	Neutral	Weak	PCI	61	Strong	Strong	APH	42	Neutral	Weak
TPB	48	Neutral	Weak	TCH	62	Too hot	Strong	TCX	47	Neutral	Weak	FCN	53	Strong	Weak	VTP	45	Weak	Neutral
STB	41	Weak	Weak	KBC	47	Neutral	Weak	ORS	48	Neutral	Neutral	VGC	48	Neutral	Weak	SBG	30	Neutral	Weak
CTG	47	Neutral	Weak	HDG	59	Strong	Strong	VDS	37	Weak	Weak	DPG	47	Neutral	Weak	REE	70	Too hot	Strong
VIB	51	Neutral	Neutral	HDC	52	Strong	Weak	FTS	35	Weak	Weak	CTD	58	Strong	Strong	PAC	57	Strong	Strong
SSB	52	Neutral	Neutral	NLG	57	Too hot	Strong	CTS	42	Weak	Weak	CTR	50	Neutral	Weak	TV2	55	Strong	Strong
VCB	42	Neutral	Weak	DXS	54	Strong	Weak	BSI	42	Weak	Weak	HT1	42	Weak	Weak	TCM	37	Weak	Weak
NAB	50	Neutral	Weak	NTL	50	Neutral	Weak	TCI	53	Neutral	Neutral	CTI	48	Neutral	Neutral	TLG	41	Weak	Weak
OCB	52	Neutral	Neutral	SIP	51	Neutral	Neutral	TVB	39	Neutral	Weak	BMP	35	Weak	Weak	PNJ	45	Weak	Weak
BID	39	Weak	Weak	SZC	46	Neutral	Weak	DSE	53	Neutral	Neutral					MSH	56	Strong	Neutral
LPB	48	Neutral	Neutral	BCM	41	Neutral	Weak												
Công nghệ thông tin và bán lẻ				Dầu khí & điện nước và Tiện ích				Thực phẩm & đồ uống				Truyền thông và y tế				Du lịch & giải trí và Ô tô phụ tùng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
FPT	38	Weak	Weak	PVD	48	Weak	Strong	MSN	46	Neutral	Weak	YEG	45	Weak	Neutral	VPL	55	Strong	Neutral
SAM	49	Neutral	Weak	BSR	45	Weak	Neutral	VNM	44	Neutral	Weak	DCL	57	Neutral	Strong	VJC	45	Neutral	Weak
ELC	44	Neutral	Weak	PLX	38	Weak	Weak	DBC	41	Neutral	Weak	DBD	49	Neutral	Neutral	HVN	41	Neutral	Weak
CMG	36	Neutral	Weak	POW	45	Weak	Weak	BAF	38	Neutral	Weak	TNH	20	Weak	Weak	SCS	53	Neutral	Neutral
MWG	46	Neutral	Weak	NT2	59	Strong	Strong	SAB	43	Neutral	Weak	JVC	41	Neutral	Weak	VNG	44	Neutral	Neutral
DGW	51	Strong	Neutral	GAS	37	Weak	Weak	ANV	44	Neutral	Weak					HAX	48	Neutral	Weak
PET	64	Too hot	Strong	GEG	60	Strong	Strong	VHC	48	Neutral	Weak					DRC	39	Weak	Weak
FRT	58	Strong	Neutral	PPC	56	Strong	Strong	MCH	45	Neutral	Weak								

Danh sách theo dõi

STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	NLG	29.35	34	NA	NA	NLG đang được chiết khấu sâu và đang có dấu hiệu tạo đáy. Phù hợp với nhà đầu tư mua nắm giữ lâu dài. Điểm mua ngắn hạn cần chờ thêm
2	KDH	26.4	34	NA	NA	Nhóm bất động sản bị chiết khấu mạnh. KDH có sức khỏe tài chính lành mạnh được kì vọng là khoản đầu tư trung dài hạn. Chờ đợi các tín hiệu kĩ thuật trong ngắn hạn có thể mở mua mới
3	GEG	16.95	18	15.5	6.2%	Nhóm điện tái tạo được hưởng lợi do thời tiết, giá dầu và than tăng cao. GEG đang có xu hướng chững tăng

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	HRC	Hóa chất	12.50 - 101.20	49.8	-30.2%
2	NO1	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.21 - 8.79	6.0	-14.3%
3	TNT	Tài nguyên Cơ bản	4.33 - 11.50	8.2	-12.0%
4	TNC	Hóa chất	26.10 - 35.80	27.6	-10.7%
5	SBV	Bán lẻ	6.65 - 16.86	7.0	-10.5%

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
70.0%	24.3	7.90 - 66.51	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	CCI
18.4%	13.5	8.01 - 13.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TCO
17.6%	13.0	9.09 - 20.20	Ô tô và phụ tùng	HHS
17.2%	19.1	9.21 - 31.35	Xây dựng và Vật liệu	CII
15.7%	13.0	2.33 - 11.90	Xây dựng và Vật liệu	HID

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	HMH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	12.10 - 23.50	19.1	-18.7%
2	CTT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	15.10 - 29.80	16.1	-17.9%
3	NHC	Xây dựng và Vật liệu	17.50 - 26.50	22.0	-17.0%
4	VMC	Xây dựng và Vật liệu	4.30 - 7.00	4.5	-16.7%
5	VCC	Xây dựng và Vật liệu	7.50 - 14.70	10.6	-15.2%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
27.9%	24.3	9.00 - 31.80	Xây dựng và Vật liệu	PDB
25.5%	18.2	10.60 - 20.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TJC
21.6%	4.5	3.50 - 4.90	Xây dựng và Vật liệu	VC9
21.4%	12.5	4.40 - 13.20	Công nghệ Thông tin	ONE
19.8%	44.7	24.50 - 49.60	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	HTC

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	HVA	Thực phẩm và đồ uống	5.80 - 33.00	5.8	-52.8%
2	VTQ	Hóa chất	6.60 - 32.60	7.5	-38.5%
3	UPH	Y tế	4.60 - 12.00	4.6	-36.1%
4	VW3	Tiêu dùng không thiết yếu	8.00 - 19.40	12.4	-31.5%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	2.90 - 10.00	6.6	-30.5%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
93.1%	28.0	14.50 - 28.10	Chứng khoán UP	UPS
53.8%	24.0	10.60 - 26.90	Hàng cá nhân & Gia dụng	BVN
53.8%	16.0	7.40 - 18.30	Y tế	NTF
42.9%	7.0	3.70 - 10.40	Xây dựng và Vật liệu	TA6
39.1%	6.4	3.50 - 8.00	Bất động sản	PLA

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá (nghìn VND)	Giá cổ phiếu	
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W		Biến động 52 tuần	%1W
1	MIG	Bảo hiểm Quân đội	Bảo hiểm	10,924.4	406.3	19.4	3.65 - 5.73	7.3
2	TTA	XD và PT Trường Thành	Xây dựng và Vật liệu	18,774.7	191.4	12.4	8.58 - 12.85	5.1
3	REE	Cơ Điện Lạnh REE	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	191,166.1	98.7	71.7	49.65 - 72.50	6.4
4	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	Bảo hiểm	79,471.5	95.6	84.0	39.10 - 87.40	10.5
5	PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	Tài nguyên Cơ bản	9,203.1	93.4	48.7	39.01 - 58.00	-0.1
6	CRC	Create Capital Việt Nam	Xây dựng và Vật liệu	47,828.5	91.0	10.4	6.16 - 12.80	2.5
7	D2D	Phát triển Đô thị số 2	Bất động sản	3,946.1	88.0	38.0	32.70 - 46.50	4.1
8	ITC	Đầu tư kinh doanh Nhà	Bất động sản	1,982.3	84.2	11.9	8.91 - 18.10	9.2
9	KBC	TCT Đô thị Kinh Bắc	Bất động sản	208,679.7	80.7	30.7	20.05 - 43.10	5.7
10	BIC	Bảo hiểm BIDV	Bảo hiểm	3,195.9	76.1	24.2	17.12 - 33.84	3.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

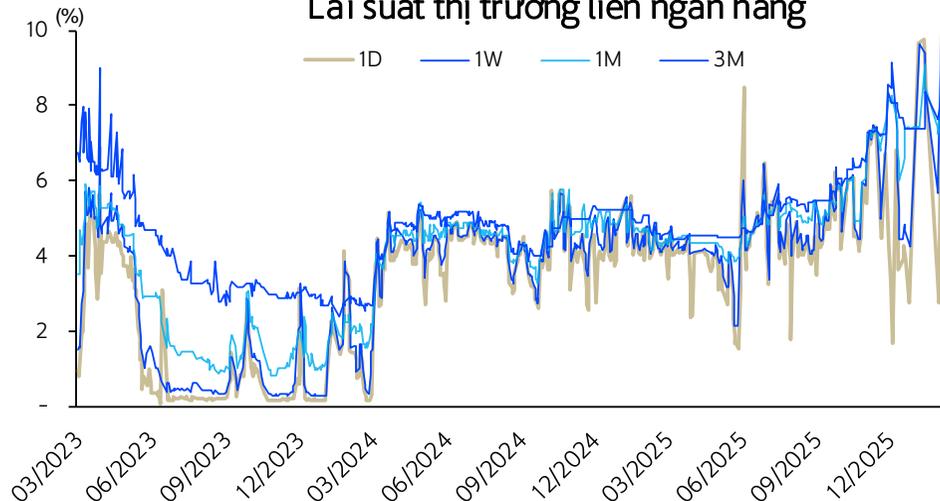
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	99.98	0.3	2.4	2.0	1.7	
VND/USD	26,337	0.1	1.1	0.2	0.1	
KRW/USD	1,507.45	0.2	4.7	5.1	4.7	
JPY/USD	159.91	0.4	2.5	2.5	2.0	
EUR/USD	0.87	0.5	2.5	2.2	2.0	
SGD/USD	1.29	0.4	1.7	0.1	0.1	
CNY/USD	6.91	0.1	0.7	-1.3	-1.1	

Hàng hóa

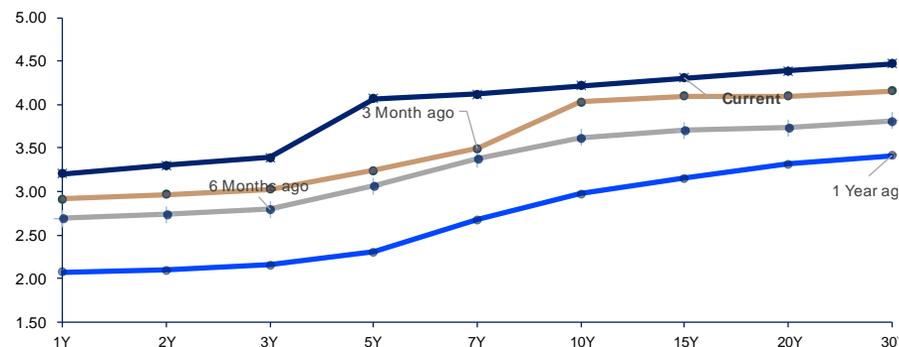
	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	95.13	-3.2	41.9	67.7	65.7	
Vàng	314.40	-4.3	51.3	85.3	84.4	
Gas	3.02	-2.3	5.8	-30.7	-18.0	
Than	135.10	-0.3	16.7	23.9	25.7	
Bạc	69.33	2.0	-26.1	-3.9	-3.2	
Platinum	1,872.27	-2.9	-21.0	-11.3	-9.1	
Quặng sắt	106.14	0.5	7.2	-0.8	-0.9	
Thép cán	3,298.00	0.3	1.7	0.9	0.9	
Lúa mì	606.25	1.8	2.5	16.8	19.6	
Ngô	468.00	0.5	6.7	4.0	6.3	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	3.20	3.30	3.39	4.06	4.12	4.21	4.31	4.10	3.70
Thay đổi (WoW)	1.60	1.70	2.10	2.30	3.90	0.90	0.00	0.00	2.90

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000



Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.